| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẾN TRE**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 33 /2019/DS-ST.
Ngày: 15/7/2019.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Thùy Dương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Minh Thiện

2. Ông Phan Văn Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) A

Địa chỉ: Phường B, Quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện : Ông Lê V – Giám đốc Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh BT.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Võ Thị Yến X, sinh năm: 1986.

2. *Bị đơn*: Bà Ngô Thị Ngọc D, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: khu phố M, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Bà X, bà D có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Ngô Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn T có ký Hợp đồng vay trung dài hạn số K0011/1216 ngày 12 tháng 12 năm 2016 với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh BT, nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng; Lãi suất: 9.16%/năm áp dụng cho năm đầu tiên, lãi suất điều chỉnh các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân Việt Nam đồng kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP A cộng 3.66%; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 13/12/2016 đến ngày 13/12/2021); Mục đích vay: mua xe ô tô. Số tiền vay được trả trong 60 tháng. Vốn gốc được trả trong 60 kỳ vào ngày 13 hàng tháng bắt đầu từ ngày 13/01/2017; số tiền phải trả mỗi kỳ là 5.170.000 đồng, số tiền trả nợ kỳ cuối là 4.970.000đồng.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng trên, hai bên có ký Hợp đồng thế chấp động sản số 0011 – 16 /HĐTC – ĐS ngày 13 tháng 12 năm 2016 thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, Loại Grand, số khung 41CAHM181075, số máy G4LAGM39156, biển số đăng ký 71A – 032.63 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006193 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 12/12/2016 cho bà Ngô Thị Ngọc D. Hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng số 1 ngày 13/12/2016 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/12/2016.

Trong quá trình vay, bà D và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể từ ngày 13/12/2016 đến ngày 18/02/2019, bà Ngô Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn T chỉ trả được số tiền 154.714.590đồng, trong đó: tiền vốn là 108.570.000đồng, tiền lãi trong hạn là 44.953.323 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.191.267 đồng.

Tính đến ngày 15/7/2019, bà Ngô Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn T còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền cụ thể là: 220.905.556 (Hai trăm hai mươi triệu chín trăm lẻ năm nghìn năm trăm năm mươi sáu ) đồng, gồm: vốn gốc: 201.430.000 (Hai trăm lẻ một triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn: 16.322.889 (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng, lãi quá hạn: 3.152.667 (Ba triệu một trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Ngân hàng TMCP A yêu cầu bà D và ông T trả số tiền trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/7/2019 đến ngày bà D và ông T trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP A theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng số 06901K0011/1216. Trường hợp

bà D và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Ngô Thị Ngọc D trình bày: bà thừa nhận bà và chồng là ông Nguyễn Văn T có ký Hợp đồng vay trung dài hạn số K0011/1216 ngày 12 tháng 12 năm 2016, vay của Ngân hàng TMCP A số tiền 310.000.000 đồng và có ký hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp động sản số 0011–16 /HĐTC–ĐS ngày 13/12/2016 như nguyên đơn trình bày. Bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 15/7/2019 là 220.905.556 (Hai trăm hai mươi triệu chín trăm lẻ năm nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng, gồm: vốn gốc 201.430.000 (Hai trăm lẻ một triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn : 16.322.889 (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng, lãi quá hạn: 3.152.667 (Ba triệu một trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng. Bà đồng ý trả số tiền nợ theo yêu cầu của ngân hàng. Trong trường hợp không có khả năng trả nợ, bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông Nguyễn Văn T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Nguyễn Văn T không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và ông T được.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần A và bà Ngô Thị Ngọc D, ông Nguyễn Văn T có ký Hợp đồng vay trung dài hạn số K0011/1216 ngày 12 tháng 12 năm 2016, bị đơn bà Ngô Thị Ngọc D có nơi cư trú tại thành phố Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay trung dài hạn số K.0011/1216 ngày 13/12/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với bà Ngô Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn T được ký kết bằng văn bản, trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ngân hàng TMCP A đã thực hiện việc giải ngân số tiền 310.000.000đồng cho bà D và ông T, bà D và ông T cũng

đã ký Giấy nhận nợ số tiền 310.000.000 đồng với Ngân hàng TMCP A vào ngày 13/12/2016. Tuy nhiên, bà D và ông T đã không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng về việc trả lãi và vốn cho ngân hàng TMCP A dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu. Do bà D và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 5, Điều 6 trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu buộc bà D, ông T trả số tiền 220.905.556 (Hai trăm hai mươi triệu chín trăm lẻ năm nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng tính đến ngày 15/7/2019, gồm: vốn gốc 201.430.000 (Hai trăm lẻ một triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn: 16.322.889 (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng, lãi quá hạn: 3.152.667 (Ba triệu một trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/7/2019 đến ngày bà D và ông T trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP A theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng số 06901K0011/1216 ngày 13/12/2016 là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế động sản số 0011 – 16 /HĐTC – ĐS ngày 13/12/2016 được ký giữa bà Ngô Thị Ngọc D, ông Nguyễn Văn T với Ngân hàng TMCP A đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 ngày 13/12/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/12/2016 theo đúng theo quy định của pháp luật. Việc ngân hàng TMCP A yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong T hợp bà D và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là: 220.905.556 đồng x 5% = 11.045.300 đồng

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng các Điều 348, 351, 352 và 355 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A, cụ thể tuyên:

Buộc bà Ngô Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 15/7/2019 là: 220.905.556 (Hai trăm hai mươi triệu chín trăm lẻ năm nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng, gồm: vốn gốc 201.430.000 (Hai trăm lẻ một triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn: 16.322.889 (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng, lãi quá hạn: 3.152.667 (Ba triệu một trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày 16/7/2019, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. T hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp bà Ngô Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp động sản số 0011 – 16 /HĐTC – ĐS ngày 13/12/2016 để thu hồi nợ. Cụ thể, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, Loại Grand, số khung 41CAHM181075, số máy G4LAGM39156, biển số đăng ký 71A – 032.63 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006193 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Bến tre cấp ngày 12/12/2016 cho bà Ngô Thị Ngọc D.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Ngô Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu là 11.045.300 (Mười một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 5.277.000 (Năm triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai số 0001019 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng thương mại cổ A, bà Ngô Thị Ngọc D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP BT.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lương Thị Thùy Dương**